

CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH MEN THANH THANH
Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo tài chính đã được soát xét
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3
3. Bảng cân đối kế toán	4 - 5
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trịnh Bửu Tuấn	Chủ tịch
Ông Trần Hưng Lương	Thành viên
Ông Viễn Đông	Thành viên
Ông Hồ Hữu Phước	Thành viên
Bà Võ Thị Thu Thủy	Thành viên
Bà Trương Chì Châm	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Đức Lợi *	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Tuyền	Thành viên

2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Hưng Lương	Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Thái	Phó Tổng Giám đốc

3. Các hoạt động chính

Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Bán buôn vật liệu xây dựng các loại, bán buôn vật tư và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng,...

4. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/6/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016 được trình bày từ trang 04 đến trang 24.

5. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

6. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

11/06/2016
AN

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán ĐFK Việt Nam được chỉ định soát xét báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

9. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Trịnh Hữu Tuấn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 12 tháng 8 năm 2016



Số: 202/BCSX - DFK

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch Men Thanh Thanh ("Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 30/6/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch Men Thanh Thanh chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

PHÓ GIÁM ĐỐC



Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1756-2013-042-1

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
A. Tài sản ngắn hạn	100		144.612.286.358	143.872.215.376
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	51.102.033.562	54.126.101.697
1. Tiền	111		7.102.033.562	8.126.101.697
2. Các khoản tương đương tiền	112		44.000.000.000	46.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.000.000.000	8.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	3.000.000.000	8.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.804.398.886	24.820.995.461
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	25.651.402.175	23.908.385.059
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.856.425.133	1.533.496.234
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	1.588.851.259	628.712.354
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(1.292.279.681)	(1.249.598.186)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	62.505.852.130	56.909.998.218
1. Hàng tồn kho	141		73.431.844.234	64.481.160.538
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.925.992.104)	(7.571.162.320)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		200.001.780	15.120.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	5.040.000	15.120.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		194.961.780	-
B. Tài sản dài hạn	200		29.000.521.470	27.802.832.728
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		258.500.000	258.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	258.500.000	258.500.000
II. Tài sản cố định	220		23.792.021.470	22.594.332.728
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	23.783.613.480	22.569.108.736
- Nguyên giá	222		250.735.427.637	252.440.557.606
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(226.951.814.157)	(229.871.448.870)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	8.407.990	25.223.992
- Nguyên giá	228		100.896.000	100.896.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(92.488.010)	(75.672.008)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	4.950.000.000	4.950.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.920.000.000	1.920.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.030.000.000	3.030.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		173.612.807.828	171.675.048.104



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
C. Nợ phải trả	300		74.476.684.650	73.377.252.091
I. Nợ ngắn hạn	310		71.261.684.650	70.162.252.091
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	28.204.851.436	22.794.777.733
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	395.018.720	1.883.585.730
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.574.464.931	2.691.601.564
4. Phải trả người lao động	314	V.15	14.435.329.837	17.777.812.488
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		302.403.162	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	18.545.092.067	19.295.811.937
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	4.130.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.16	4.000.000.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.804.524.497	1.588.662.639
II. Nợ dài hạn	330		3.215.000.000	3.215.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	3.215.000.000	3.215.000.000
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.18	99.136.123.178	98.297.796.013
I. Vốn chủ sở hữu	410		99.136.123.178	98.297.796.013
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.923.480.000	59.923.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.923.480.000	59.923.480.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		313.744.700	313.744.700
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		424.272.909	424.272.909
4. Cổ phiếu quỹ	415		(652.100.000)	(652.100.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.880.320.147	11.534.128.738
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		100.000.000	100.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.146.405.422	26.654.269.666
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.103.286.257	4.923.312.622
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.043.119.165	21.730.957.044
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		173.612.807.828	171.675.048.104

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Xuân Khiêm
Người lập biểuVõ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởngTrần Hưng Lương
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2016939
:0N
:0N
EM
DF
ET
:TF

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	184.671.254.040	189.914.066.193
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.02	394.386.750	992.379.240
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		184.276.867.290	188.921.686.953
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	153.709.755.001	163.280.140.931
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.567.112.289	25.641.546.022
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	1.864.251.973	748.440.157
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	198.832.279	382.074.645
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		139.809.880	91.085.390
8. Chi phí bán hàng	24	VI.06	7.765.374.644	7.278.867.681
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.07	8.198.307.296	7.397.710.313
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.268.850.043	11.331.333.540
11. Thu nhập khác	31	VI.08	37.222.866	168.153.107
12. Chi phí khác	32	VI.09	5.950.257	4.393.078
13. Lợi nhuận khác	40		31.272.609	163.760.029
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.300.122.652	11.495.093.569
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	3.257.003.487	1.729.735.063
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.043.119.165	9.765.358.506
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	1.943	1.397

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Xuân Khiêm
 Người lập biểu

Võ Thị Thu Thủy
 Kế toán trưởng



Trần Hưng Lương
 Tổng Giám đốc
 Ngày 12 tháng 8 năm 2016

18/08/2016
 10A
 K
 NA
 1911

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.300.122.652	11.495.093.569
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.728.112.218	1.480.587.840
Các khoản dự phòng	03	3.397.511.279	366.234.127
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(6.118.182)	(55.005.233)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.339.450.491)	(730.198.288)
Chi phí lãi vay	06	139.809.880	91.085.390
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	20.219.987.356	12.647.797.405
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(3.216.258.151)	(5.750.931.654)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(8.950.683.696)	7.443.757.406
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.587.638.333	8.602.459.916
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	10.080.000	(292.323.163)
Tiền lãi vay đã trả	14	(139.809.880)	(103.354.842)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.830.681.904)	(461.343.372)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.078.138.142)	(276.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.602.133.916	21.810.061.696
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.925.800.960)	(260.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	24.668.320	90.909.091
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.314.782.171	785.902.730
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.413.649.531	616.811.821
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	15.367.385.749	31.437.216.598
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(19.497.385.749)	(40.153.228.093)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.910.792.000)	(4.752.422.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.040.792.000)	(13.468.433.895)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.025.008.553)	8.958.439.622
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	54.126.101.697	29.707.513.137
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	940.418	69.546.358
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	51.102.033.562	38.735.499.117

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Xuân Khiêm

Nguyễn Xuân Khiêm
Người lập biểu

Võ Thị Thu Thủy

Võ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Trần Hưng Lương

Trần Hưng Lương
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh (gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch men Thanh Thanh - Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 1760/QĐ-BXD ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3600665643 ngày 02/01/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 8 ngày 26/10/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TTC kể từ ngày 07/01/2010 theo Thông báo số 779/TB-SGDHN cấp ngày 16/12/2009.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 59.923.480.000 đồng.

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Thanh Thanh Joint Stock Company (TTC).

Trụ sở chính đặt tại: Đường số 1, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Xây lắp công nghiệp; Bán buôn vật liệu xây dựng các loại, bán buôn vật tư và xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng; Đầu tư và kinh doanh địa ốc, cơ sở hạ tầng; Tư vấn, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng; Khai thác và chế biến khoáng sản; Kinh doanh dịch vụ du lịch; Kinh doanh vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính đều được đáp ứng.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư tài chính khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo chi phí mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bảng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

30/06
CÔNG
NHỆM
M T
DFI
T N
- 7,9

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 30 năm
Máy móc thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm
Phần mềm kế toán	03 năm

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

Chi phí bảo trì phần mềm chờ phân bổ

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

11/01/2016
HUU
DAN
IAN
11/01/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo Quy chế lương của Công ty và Hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Nguyên tắc ghi nhận vốn khác: Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc được biểu, tặng, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phân ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Phân ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, chi phí hàng mẫu, chi phí bao bì, đóng gói, chi phí vận chuyển, chi phí thuê kho,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phân ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

18. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	30/6/2016	01/01/2016
Tiền mặt	338.668.707	364.692.134
Tiền gửi ngân hàng	(*) 6.763.364.855	7.761.409.563
Các khoản tương đương tiền	(**) 44.000.000.000	46.000.000.000
Cộng	51.102.033.562	54.126.101.697

(*) Bao gồm:	30/6/2016
Tiền gửi ngân hàng bằng VND	5.287.591.231
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (66.142.41 USD)	1.473.189.899
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (104.60 EUR)	2.583.725
Cộng	6.763.364.855

(**) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa, với lãi suất từ 4,5% - 5,5%/năm.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30/6/2016	01/01/2016
Tiền gửi có kỳ hạn	(*) 3.000.000.000	8.000.000.000

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai với lãi suất 5,5%/năm.

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	30/6/2016	01/01/2016
- Công ty TNHH DV XD TM Ngọc Bích	3.867.797.313	3.000.665.004
- Công ty TNHH MTV TM Thảo Dung	3.974.023.444	4.473.893.676
- Công ty TNHH MTV TM-DV-XNK Cường Phát - CN Bình Dương	3.089.069.846	3.572.152.017
- DNTN Chấn Phước	4.080.728.420	2.277.989.077
- DNTN Minh Khuê	3.535.207.629	3.673.211.661
- Các khoản phải thu khách hàng khác	(*) 7.104.575.523	6.910.473.624
Cộng	25.651.402.175	23.908.385.059

(*) Trong đó, bao gồm khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là 768.50 USD tương đương 17.116.801 đồng.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	30/6/2016	01/01/2016
- Công ty TNHH Kỹ thuật và Công nghệ	-	255.000.000
- Guangdong Industrial Co., Ltd	-	1.159.994.880
- Goway International Materials Limited	(*) 1.133.509.000	-
- Công ty TNHH MTV TM DV SX Trường Sơn	460.884.900	78.430.000
- Các khoản trả trước cho người bán khác	262.031.233	40.071.354
Cộng	1.856.425.133	1.533.496.234

(*) Khoản trả trước cho người bán có gốc ngoại tệ là 50,830.00 USD tương đương 1,133,509,000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Phải thu khác	30/6/2016		01/01/2016			
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
a) Ngắn hạn						
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn phải thu	162.591.667	-	228.711.111	-		
- Thuế TNCN phải thu từ nhân viên	42.259.592	-	90.586.243	-		
- Lãi phải thu liên quan đến khoản ký quỹ cho Công ty CP Cơ khí Xây dựng Tân Định - FICO	1.500.000	-	-	-		
- Lãi phải thu liên quan đến khoản ứng trước cho Tổng Công Ty VLXD Số 1	302.000.000	-	-	-		
- Phải thu liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty Chứng khoán Kinh Đô đã giải thể	37.500.000	(37.500.000)	37.500.000	(37.500.000)		
- Khoản ký quỹ tại Công ty CP Cơ khí Xây dựng Tân Định - FICO	500.000.000	-	-	-		
- Các khoản tạm ứng	543.000.000	-	271.915.000	-		
Cộng	1.588.851.259	(37.500.000)	628.712.354	(37.500.000)		
b) Dài hạn						
- Ký quỹ, ký cược dài hạn (Ký quỹ thuê kho, thuê bình khí đá)	258.500.000	-	258.500.000	-		
Cộng	258.500.000	-	258.500.000	-		
6. Nợ xấu	30/6/2016		01/01/2016			
	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 1 - 2 năm				863.656.038	840.000.000	Công ty TNHH MTV Rocky Nguyễn Đoàn
				216.249.912	40.000.000	DNTN My Lương
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 2 - 3 năm	863.656.038	840.000.000	Công ty TNHH MTV Rocky Nguyễn Đoàn	-	-	
	216.249.912	40.000.000	DNTN My Lương	109.001.018	100.000.000	DNTN Tuấn Hạnh
	407.010.310	-	CH Thịnh Phát	407.010.310	-	CH Thịnh Phát
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	109.001.018	100.000.000	DNTN Tuấn Hạnh	-	-	
	128.343.724	100.000.000	DNTN Chí Thành	128.343.724	100.000.000	DNTN Chí Thành
	827.990.464	120.000.000	Khác	827.990.464	120.000.000	Khác
Cộng	2.552.251.466	1.200.000.000		2.552.251.466	1.200.000.000	

001
 CÔNG
 NGHỆ
 ÉM
 D
 ỆT
 V-T

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Nợ xấu (tiếp theo)

Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn:

Số dư tại ngày 01/01/2016	(1.249.598.186)
Tăng (do trích lập dự phòng)	(42.681.495)
Giảm (do xóa nợ)	-
Số dư tại ngày 30/6/2016	(1.292.279.681)

7. Hàng tồn kho

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	14.574.439.102	(2.649.595.505)	13.214.112.537	(1.479.610.865)
- Công cụ, dụng cụ	1.645.257.269	(1.319.572.599)	1.739.180.635	(1.259.127.455)
- Thành phẩm	57.212.147.863	(6.956.824.000)	49.527.867.366	(4.832.424.000)
Cộng	73.431.844.234	(10.925.992.104)	64.481.160.538	(7.571.162.320)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập bổ sung trong thời kỳ tài chính này (3.354.829.784 đồng) đối với hàng tồn kho chậm luân chuyển và hàng còn tồn lô nhỏ, khó bán.

Chi tiết dự phòng hàng tồn kho:

Số dư tại ngày 01/01/2016	(7.571.162.320)
Tăng (do trích lập dự phòng)	(3.354.829.784)
Giảm (do hoàn nhập)	-
Số dư tại ngày 30/6/2016	(10.925.992.104)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Ngày 01/01/2016	25.328.736.587	217.780.554.104	9.225.010.715	106.256.200	252.440.557.606
Tăng	-	1.325.800.960	1.600.000.000	-	2.925.800.960
Giảm	-	4.310.411.757	320.519.172	-	4.630.930.929
Ngày 30/6/2016	25.328.736.587	214.795.943.307	10.504.491.543	106.256.200	250.735.427.637
Giá trị hao mòn lũy kế					
Ngày 01/01/2016	21.384.250.837	202.958.727.563	5.422.214.270	106.256.200	229.871.448.870
Tăng	324.904.998	1.079.233.607	307.157.611	-	1.711.296.216
Giảm	-	4.310.411.757	320.519.172	-	4.630.930.929
Ngày 30/6/2016	21.709.155.835	199.727.549.413	5.408.852.709	106.256.200	226.951.814.157
Giá trị còn lại					
Ngày 01/01/2016	3.944.485.750	14.821.826.541	3.802.796.445	-	22.569.108.736
Ngày 30/6/2016	3.619.580.752	15.068.393.894	5.095.638.834	-	23.783.613.480

083
G T
H H
T O A
F K
N A
= K

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Tài sản tăng trong kỳ do mua sắm mới, giảm do thanh lý.
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 208.560.316.645 đồng.

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình (phần mềm vi tính)

	01/01/2016	Tăng	Giảm	30/6/2016
Nguyên giá	100.896.000	-	-	100.896.000
Giá trị hao mòn lũy kế	75.672.008	16.816.002	-	92.488.010
Giá trị còn lại	25.223.992			8.407.990

10. Chi phí trả trước

	30/6/2016	01/01/2016
Ngắn hạn		
- Chi phí bảo trì phần mềm chờ phân bổ	5.040.000	15.120.000

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn	30/6/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
(a) - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.920.000.000	2.458.887.487	-	1.920.000.000	2.516.400.365	-
(b) - Đầu tư vào đơn vị khác	3.030.000.000	3.053.354.085	-	3.030.000.000	3.116.827.113	-
Cộng	4.950.000.000	5.512.241.572	-	4.950.000.000	5.633.227.479	-

(a): Đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1 với số tiền là 1.920.000.000 đồng, tương ứng với 205.440 cổ phiếu, chiếm 24% vốn điều lệ. Trong thời kỳ tài chính này, Công ty nhận được cổ tức bằng tiền là 143.808.000 đồng. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định dựa trên giá trị sổ sách của công ty nhận đầu tư theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

(b): Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua 300.000 cổ phiếu trị giá 3.030.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Gạch men Cosevco (vốn điều lệ là 65 tỷ đồng). Trong thời kỳ tài chính này, Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức, lợi nhuận được chia nào từ công ty này. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định dựa trên giá trị sổ sách của công ty nhận đầu tư theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty liên kết trong kỳ:

- Mua vật tư từ Công ty CP Bao bì và Khoáng sản số 1: 6.120.495.820

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Phải trả người bán	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
(a) hạn				
- Công ty CP CNG Việt Nam	10.059.185.390	10.059.185.390	6.001.144.916	6.001.144.916
- Công ty TNHH KD FRIT Thừa Thiên Huế	2.448.014.800	2.448.014.800	2.905.804.000	2.905.804.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	15.697.651.246	15.697.651.246	13.887.828.817	13.887.828.817
Cộng	(*) 28.204.851.436	28.204.851.436	22.794.777.733	22.794.777.733

(*) Trong đó, bao gồm khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 1,080.00 EUR tương đương 26.677.081 đồng và 992.00 USD tương đương 22.094.816 đồng.

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

- Công ty CP Phước Hòa FICO	342.957.049	342.957.049	485.155.109	485.155.109
- Công ty Cơ khí XD Tân Định	577.905.900	577.905.900	117.096.889	117.096.889
- Công ty Cổ phần Bao bì & Khoáng sản Số 1	852.873.428	852.873.428	1.245.874.300	1.245.874.300
Cộng	1.773.736.377	1.773.736.377	1.848.126.298	1.848.126.298

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Mohammed Abdullah Al-Hubaishi Corp Ltd	185.500.560	185.500.560	347.412.005	347.412.005
- OHIO Building Materials Trading	-	-	995.338.300	995.338.300
- GI Import Export .Co Ltd	121.522.644	121.522.644	121.522.644	121.522.644
- Người mua trả tiền trước khác	87.995.516	87.995.516	419.312.781	419.312.781
Cộng	(*) 395.018.720	395.018.720	1.883.585.730	1.883.585.730

(*) Trong đó, bao gồm khoản người mua trả tiền trước có gốc ngoại tệ là 13,734.88 USD tương đương 307.023.204 đồng.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Phải nộp	01/01/2016	Số phải nộp trong		Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2016
		kỳ	kỳ		
- Thuế GTGT	1.448.624.065	5.981.255.401	7.429.879.466	-	
- Thuế XNK	-	69.053.159	69.053.159	-	
- Thuế TNDN	1.110.421.248	3.257.003.487	2.830.681.904	1.536.742.831	
- Thuế TNCN	132.556.251	279.280.115	374.114.266	37.722.100	
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-	
Cộng	2.691.601.564	9.589.592.162	10.706.728.795	1.574.464.931	

15. Phải trả người lao động

	30/6/2016
Số dư tại ngày 01/01/2016	17.777.812.488
- Tăng do trích quỹ lương	26.241.509.520
- Giảm do chi trả lương	29.583.992.171
Số dư tại ngày 30/6/2016	14.435.329.837

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	30/6/2016	01/01/2016
16. Dự phòng phải trả ngắn hạn		
Trích trước chi phí sửa chữa TSCĐ	4.000.000.000	-
17. Phải trả khác	30/6/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	210.887.500	110.313.858
- Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp còn phải nộp	564.030.025	519.524.705
- Cổ tức còn phải trả	8.737.435	8.737.435
- Khoản nhận đặt cọc về sản xuất sản phẩm độc quyền cho các khách hàng	17.179.784.500	18.103.944.500
- Thuế TNDN phải nộp liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở Bình Dương	550.270.637	550.270.637
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	31.381.970	3.020.802
Cộng	18.545.092.067	19.295.811.937
b) Dài hạn	30/6/2016	01/01/2016
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn từ các đại lý	3.215.000.000	3.215.000.000

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2015	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	59.923.480.000	-	-	59.923.480.000
Thặng dư vốn cổ phần	313.744.700	-	-	313.744.700
Vốn khác của chủ sở hữu	424.272.909	-	-	424.272.909
Cổ phiếu quỹ	(652.100.000)	-	-	(652.100.000)
Các quỹ	8.935.221.725	2.698.907.013	-	11.634.128.738
LNST chưa phân phối	14.650.642.035	21.730.957.044	9.727.329.413	26.654.269.666
Cộng	83.595.261.369	24.429.864.057	9.727.329.413	98.297.796.013
	01/01/2016	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	30/6/2016
Vốn góp của chủ sở hữu	59.923.480.000	-	-	59.923.480.000
Thặng dư vốn cổ phần	313.744.700	-	-	313.744.700
Vốn khác của chủ sở hữu	424.272.909	-	-	424.272.909
Cổ phiếu quỹ	(652.100.000)	-	-	(652.100.000)
Các quỹ	11.634.128.738	4.346.191.409	-	15.980.320.147
LNST chưa phân phối	26.654.269.666	13.043.119.165	16.550.983.409	23.146.405.422
Cộng	98.297.796.013	17.389.310.574	16.550.983.409	99.136.123.178

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Danh sách cổ đông sáng lập	Theo Đăng ký kinh doanh		Vốn góp thực tế tại ngày 30/6/2016
	Tỷ lệ	Số tiền	Số tiền
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	43%	25.635.000.000	25.635.000.000
Các cổ đông khác	57%	34.288.480.000	34.288.480.000
Cộng	100%	59.923.480.000	59.923.480.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	184.501.891.204	189.914.066.193
- Doanh thu khác	169.362.836	-
Cộng	184.671.254.040	189.914.066.193
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu thương mại	379.231.436	621.305.693
- Hàng bán bị trả lại	15.155.314	371.073.547
Cộng	394.386.750	992.379.240
3. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã cung cấp	150.354.925.217	163.185.854.931
- Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	3.354.829.784	94.286.000
Cộng	153.709.755.001	163.280.140.931
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.170.974.171	495.481.197
- Cổ tức được chia	143.808.000	143.808.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	211.851.620	109.150.960
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.118.182	-
- Lãi ứng trước tiền hàng	331.500.000	-
Cộng	1.864.251.973	748.440.157
5. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay	139.809.880	91.085.390
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	59.022.399	83.513.422
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	207.475.833
Cộng	198.832.279	382.074.645

DPG
JNG
EM
MK
FN
TPV

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015
6. Chi phí bán hàng		
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên quản lý	2.889.659.331	2.597.063.495
- Chi phí vật liệu bao bì	297.608.355	313.293.256
- Chi phí khấu hao TSCĐ	70.390.596	70.390.596
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.595.576.307	3.301.465.532
+ Chi phí xe nâng hàng và xe vận chuyển gạch	2.147.051.966	2.523.370.520
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	1.448.524.341	778.095.012
- Chi phí bằng tiền khác	912.140.055	996.654.802
Cộng	7.765.374.644	7.278.867.681
	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên quản lý	5.595.622.166	4.987.441.240
- Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	574.192.430	337.400.477
- Chi phí khấu hao TSCĐ	213.706.638	213.706.638
- Thuế, phí và lệ phí	448.151.005	430.171.582
- Chi phí dự phòng	42.681.495	64.472.294
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	543.587.087	133.769.015
- Chi phí khác bằng tiền	780.419.109	1.246.047.289
Cộng (a)	8.198.359.930	7.413.008.535
- Các khoản ghi giảm khác	(52.634)	(15.298.222)
Cộng (b)	(52.634)	(15.298.222)
Cộng (a) và (b)	8.198.307.296	7.397.710.313
	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015
8. Thu nhập khác		
- Thu nhập do thanh lý tài sản cố định	24.668.320	90.909.091
- Thu nhập do nhượng bán công cụ dụng cụ và phế liệu	-	77.243.135
- Thu nhập khác	12.554.546	881
Cộng	37.222.866	168.153.107
	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015
9. Chi phí khác		
- Chi phí khác	5.950.257	4.393.078
Cộng	5.950.257	4.393.078

CÔNG TY
 HỮU HẠN
 AN
 Đ C

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015
10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	114.968.060.427	127.105.131.312
- Chi phí nhân công	29.012.127.474	26.244.004.068
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.728.112.218	1.480.587.840
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.372.345.605	18.581.407.544
- Chi phí khác bằng tiền	3.560.444.844	3.970.530.392
Cộng	173.641.090.568	177.381.661.156

	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.300.122.652	11.495.093.569
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	134.431.752	-
Trừ cổ tức, lợi nhuận được chia	143.808.000	143.808.000
Trừ CLTG chưa thực hiện	5.728.967	-
Thu nhập chịu thuế ước tính	16.285.017.437	11.351.285.569
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính	16.285.017.437	10.964.968.028
- Thu nhập khác	-	386.317.541
Thuế TNDN phải nộp đối với hoạt động kinh doanh chính (15%)	-	1.644.745.204
Thuế TNDN phải nộp đối với thu nhập khác	-	84.989.859
Thuế TNDN phải nộp ước tính	3.257.003.487	1.729.735.063

	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.043.119.165	9.765.358.506
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	(1.500.000.000)	(1.464.803.776)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.543.119.165	8.300.554.730
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.940.528	5.940.528
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.943	1.397

(*) Khoản điều chỉnh giảm là do Công ty dự kiến trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 6 tháng năm 2016 được ước tính là 1.500.000.000 đồng. Mức trích lập cụ thể tùy thuộc vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong thời kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Tổng công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - TNHH MTV	Nhà Đầu tư	Lãi ứng trước tiền hàng	302.000.000
Công ty CP Đá Phước Hòa Fico	Cùng tập đoàn	Mua hàng	(2.096.721.587)
		Mua hàng	(1.127.819.000)
Công ty Cơ khí XD Tân Định	Cùng tập đoàn	Lãi ứng trước tiền hàng	29.500.000
		Nhận cung cấp dịch vụ	(927.800.000)
Công ty CP Bao bì và Khoáng sản số 1	Công ty liên kết	Mua hàng	(6.120.495.820)
Ban Tổng Giám đốc		Lương	533.309.000
Hội đồng quản trị		Thu nhập	442.800.000

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Tổng công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - TNHH MTV	Nhà Đầu tư	Phải thu khác	302.000.000
Công ty CP Đá Phước Hòa Fico	Cùng tập đoàn	Phải trả	(342.957.049)
Công ty Cơ khí XD Tân Định	Cùng tập đoàn	Phải thu khác	501.500.000
		Phải trả	(577.905.900)
Công ty CP Bao bì và Khoáng sản số 1	Công ty liên kết	Phải trả	(852.873.428)

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Công ty chỉ có một bộ phận tham gia vào cung cấp dịch vụ tại một môi trường kinh tế.

Nguyễn Xuân Khiêm
Người lập biểu

Võ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Trần Hưng Lương
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2016

